

Phụ lục

CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2789/QĐ-BTP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (1)	Dự toán đã phân bổ (chi tiết từng loại khoản, đơn
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG (=I+II)	1.406.682.000.000	1.406.682.000.000
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 - KHOẢN 341)	1.405.770.000.000	1.405.770.000.000
	Kinh phí thực hiện tự chủ/ hoạt động thường xuyên		
	Kinh phí không thực hiện tự chủ/ hoạt động không thường xuyên	1.405.770.000.000	1.405.770.000.000
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)	1.405.770.000.000	1.405.770.000.000
1	Cục Quản lý Thi hành án dân sự	1.381.835.655.208	1.381.835.655.208
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.381.835.655.208	1.381.835.655.208
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)	1.381.835.655.208	1.381.835.655.208
2	Văn phòng Bộ	4.678.520.184	4.678.520.184
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.678.520.184	4.678.520.184
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)	4.678.520.184	4.678.520.184
3	Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý	4.641.237.608	4.641.237.608
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.641.237.608	4.641.237.608
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)	4.641.237.608	4.641.237.608
4	Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm & Bồi thường nhà nước	2.339.766.000	2.339.766.000
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.339.766.000	2.339.766.000
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)	2.339.766.000	2.339.766.000

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (1)	Dự toán đã phân bổ (chi tiết từng loại khoản, đơn
A	B	1	2
5	Cục Hành chính tư pháp	4.584.835.125	4.584.835.125
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.584.835.125	4.584.835.125
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)</i>	<i>4.584.835.125</i>	<i>4.584.835.125</i>
6	Cục Hỗ trợ tư pháp	5.797.876.500	5.797.876.500
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.797.876.500	5.797.876.500
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)</i>	<i>5.797.876.500</i>	<i>5.797.876.500</i>
7	Cục Kế hoạch - Tài chính	1.892.109.375	1.892.109.375
-	Kinh phí thực hiện tự chủ		
-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.892.109.375	1.892.109.375
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)</i>	<i>1.892.109.375</i>	<i>1.892.109.375</i>
II	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LOẠI 100 - KHOẢN 103)	912.000.000	912.000.000
	Kinh phí hoạt động thường xuyên		
	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	912.000.000	912.000.000
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)</i>	<i>912.000.000</i>	<i>912.000.000</i>
1	Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý	912.000.000	912.000.000
-	Kinh phí hoạt động thường xuyên		
-	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	912.000.000	912.000.000
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (mã nguồn ngân sách 23)</i>	<i>912.000.000</i>	<i>912.000.000</i>

Ghi chú:

(1) Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-TTg ngày 31/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan ở trung ương năm 2025 (đợt 8);

(2) Quyết định số 2756/QĐ-BTP ngày 05/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.